

MỘT SỐ DẪN LIỆU VỀ PHÂN LOẠI CHI MẬT SẠ (*MELIOSMA* BLUME) Ở VIỆT NAM

Hà Minh Tâm, Nguyễn Ngọc Huyền, Hà Thị Phương Lan
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Chi Mật sạ (*Meliosma* Blume), còn gọi là Cọ phèn, Sơn vôi,... thuộc họ Thanh phong (Sabiaceae Blume) có khoảng 30 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Ở Việt Nam, chi này hiện biết có 13 loài, phân bố chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc và khu vực Tây Nguyên. Trong số đó, nhiều loài là đặc hữu của Việt Nam, hầu hết các loài đều cho gỗ, một số loài cho dầu béo. Cho nên, bên cạnh giá trị về khoa học, chi này còn có giá trị về kinh tế.

Nhằm góp phần cung cấp cơ sở dữ liệu cho việc soạn thảo Thực vật chí Việt Nam về chi Mật sạ và cho các nghiên cứu có liên quan, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu phân loại chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Gồm tất cả các taxon thuộc chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam, dựa trên cơ sở là tư liệu và mẫu nghiên cứu được lưu giữ tại Phòng Tiêu bản thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội (HNU) và các mẫu vật sống trong quá trình điều tra thực địa.

Phương pháp nghiên cứu: Để thực hiện các nội dung nghiên cứu phân loại chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam, chúng tôi đã sử dụng phương pháp Hình thái so sánh, theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Công tác định loại được tiến hành tại Phòng Thực vật học (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật) và Phòng Thí nghiệm Thực vật học (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm nhận biết chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam

Dạng sống: Cây thường xanh hoặc thỉnh thoảng rụng lá, sống lâu năm; thường là cây gỗ nhỏ đến trung bình, có khi cao tới 20 m, hiếm khi dạng bụi hoặc bụi trườn (*M. nana*), phân nhiều cành. Cành mang hoa thường có lông vò và sẹo lá mờ. Chồi non có nhiều lông.

Lá: Đơn hay kép lông chim lẻ (*M. clemensiorum*, *M. pinnata*, *M. simang*); mọc cách; kích thước thay đổi ở các loài khác nhau. Lá chét (ở các loài có lá kép) mọc đối hoặc gần đối; mép lá và mép lá chét nguyên hoặc có răng cưa thay đổi (có khi ngay trong cùng một loài); gân lông chim, gân bên vẫn hợp hoặc kết thúc tự do ở mép lá, gân mạng mờ; một số loài có tuyến (*domatia*) ở gốc gân bên. Cuống lá thường dài, có lông hay không có lông, gốc thường phẳng và có đốt.

Cụm hoa: Dạng chùm kép (chùy), mọc ở đỉnh cành, đôi khi mọc ở nách lá, có khi phân nhánh đến 4 lần, thường nhiều hoa, trục cụm hoa thường có lông vò. Lá bắc thường nhỏ, rụng sớm ở những nhánh dưới cùng và tồn tại ở những nhánh phía đỉnh cụm hoa, không có lá bắc nhỏ.

Hoa: Lưỡng tính, nhỏ, không có cuống hoặc có cuống ngắn, màu trắng, mẫu 5, đặc trưng bởi mỗi hoa chỉ có 2 nhị hữu thụ mọc đối diện và dính với gốc cánh hoa. Đài (3-)5, rời, nhỏ màu xanh, hình trứng hay tam giác tù đầu. Cánh hoa (3-)5, rời, màu trắng, hình trứng; 3 cánh hoa ngoài thường không đều nhau; 2 cánh hoa bên trong nhỏ hơn, đối diện và dính với gốc của nhị sinh sản, nguyên hay chia 2 thùy. Tuyến mật hình vành khuyên, chia 5 thùy dạng răng

không đều, đôi khi rất tiêu giảm hoặc không có. Nhị 5, rời, mọc đối diện với cánh hoa và dính với gốc cánh hoa; 2 nhị hữu thụ thường màu vàng; chỉ nhị ngắn; bao phấn hình bầu dục hay hình cầu; trung đới lớn; 3 nhị bất thụ tiêu giảm thành vây hoặc tuyến. Bộ nhụy thường gồm 2(-3) lá noãn hợp thành bầu thượng 2(-3) ô hình cầu hoặc gần hình trứng, mỗi ô có (1-)2 noãn buồng rù hoặc vuông góc với giá noãn; vòi nhụy rõ; núm nhụy nhỏ, nguyên hoặc chia 2 thùy.

Quả và hạt: Tất cả các loài đều có quả hạch, hình cầu hoặc gần hình cầu, nhỏ; vỏ quả ngoài mỏng và nhăn; vỏ quả giữa nạc; vỏ quả trong hóa gỗ cứng tạo thành hạch (nhân) bao hạt ở bên trong, thường chỉ có 1 noãn phát triển, nếu cả 2 noãn cùng phát triển sẽ tạo ra quả đôi. Hạt gần hình cầu, hơi lõm ở mặt bụng, vỏ cứng, không có nội nhũ. Phôi khá dài, rễ mầm dài gấp 2-3 lần lá mầm (hình 1).



Hình 1. *Meliosma paupera* Hand.-Mazz.

1. cành mang hoa; 2. hoa (đã tách bao hoa và nhị); 3. cánh hoa trong (mặt ngoài) và nhị; 4. cánh hoa trong (mặt ngoài) và nhị; 5. cánh hoa trong (mặt trong) và nhị; 6. một phần cụm quả; 7. hạch (vỏ quả trong)
(Hình theo Young-fen Wu & Yuh-wu Law, 1985)

2. Khoá định loại các loài thuộc chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam

1A. Lá đơn.

2A. Bầu có lông (cuống lá dài tới 10 cm) 1. *M. lepidota*

2B. Bầu không có lông (cuống lá thường ngắn hơn 5 cm).

3A. Cánh hoa trong nguyên.

- 4A. Cây gỗ trung bình (cao tới 18 m); mép lá có răng cưa thay đổi, mặt dưới lá không có lông; cuống lá dài 0,5-3 cm 2. *M. henryi*
- 4B. Cây gỗ nhỏ (cao 8-9 m); mép lá nguyên, mặt dưới lá có lông; cuống lá dài hơn 4 cm...
..... 3. *M. pakhaensis*
- 3B. Cánh hoa trong xẻ 2 thùy.
- 5A. Thùy cánh hoa dài hơn chỉ nhị (đến gốc bao phấn) 4. *M. paupera*
- 5B. Thùy cánh hoa ngắn hơn chỉ nhị (không đến gốc bao phấn).
- 6A. Đài không có lông, cánh hoa có lông..... 5. *M. coriacea*
- 6B. Đài có lông; cánh hoa không có lông.
- 7A. Cây bụi nhỏ hoặc bụi trườn; cụm hoa không có lông 6. *M. nana*
- 7B. Cây gỗ (ít khi dạng cây bụi) mọc thẳng đứng; cụm hoa có lông.
- 8A. Chóp lá có đuôi (dài đến 2 cm); cuống lá dài 3-4 cm; gân bên 8-10 đôi
..... 7. *M. caudata*
- 8B. Chóp lá ngắn; cuống lá dài 1-2 cm; gân bên 14-18 đôi.
- 9A. Hoa có cuống rõ; mép lá có răng cưa thay đổi; gân bên 16-18 đôi.....
..... 8. *M. simplicifolia*
- 9B. Hoa không có cuống; mép lá nguyên; gân bên 12-16 đôi.
- 10A. Lá dày như da, không có lông; cuống lá dài 2,5-3,5 cm.....
..... 9. *M. dolichobotrys*
- 10B. Lá mỏng như giấy, có nhiều lông ở mặt dưới; cuống lá dài 1-2 cm
..... 10. *M. ochracea*
- 1B. Lá kép lông chim lẻ.
- 11A. Cây bụi hoặc gỗ nhỏ; mép lá chét nguyên; mặt trên không có lông; hoa không có cuống .
..... 11. *M. clemensiorum*
- 11B. Cây gỗ; mép lá chét có răng cưa thay đổi; mặt trên có lông; hoa có cuống.
- 12A. Mỗi lá có 9-23 lá chét; mặt dưới lá chét có tuyến ở gốc gân bên; cánh hoa trong có lông ở đỉnh..... 12. *M. pinnata*
- 12B. Mỗi lá có 9-13 lá chét; mặt dưới lá chét có tuyến; cánh hoa trong không có lông.....
..... 13. *M. simang*

3. Phân bố, sinh thái và giá trị tài nguyên

Phân bố: Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy các loài thuộc chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) phân bố chủ yếu ở vùng núi cao các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Trong số đó, chỉ có loài *M. pinnata* và *M. simplicifolia* là tương đối phổ biến, các loài còn lại có phạm vi phân bố rất hẹp, đặc biệt có 6 loài hiện mới chỉ thấy có ở Việt Nam là: *M. caudata* (mới thấy ở Sa Pa, Lào Cai), *M. clemensiorum* (mới thấy ở Bà Nà, Đà Nẵng), *M. coriacea* (mới thấy ở Ba Vì, Hà Nội), *M. dolichobotrys* (mới thấy ở Thái Nguyên), *M. pakhaensis* (mới thấy ở Bắc Hà, Lào Cai), *M. simang* (mới thấy ở Bảo Lộc, Lâm Đồng).

Sinh học và sinh thái: Các loài thuộc chi Mật sạ ở Việt Nam thường mọc rải rác trong rừng rậm, rừng thưa, một số có ở rừng thứ sinh; ở hẻm núi, ven suối; trong điều kiện thổ nhưỡng thay đổi; ở độ cao thường từ 800-2000 m, ít khi có ở độ cao thấp dưới 300 m. Mùa hoa chủ yếu tháng 1-5; quả chín sau khi hoa nở khoảng 3-5 tháng.

Giá trị tài nguyên: Trong số 13 loài thuộc chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam, bên cạnh 6 loài đặc hữu, đa số các loài đều là cây cho gỗ đóng đồ dùng gia đình, một số loài có gỗ cứng và bền được dùng làm đồ thủ công mỹ nghệ, một số loài cho dầu béo.

III. KẾT LUẬN

Chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) ở Việt Nam có 13 loài với đa số các loài là cây gỗ nhỏ hoặc trung bình, cho nên đều có khả năng cho gỗ. Trong số đó, có 6 loài là đặc hữu của Việt Nam. Về hình thái, chi này rất đặc trưng bởi hoa mỗi có 2 nhị hữu thụ và 3 nhị lép, trung đới ở nhị hữu thụ lớn, nhưng một số đặc điểm ở các loài không ổn định, nhất là hiện tượng xẻ răng cưa ở mép lá và lá chết, cho nên rất khó để định loại.

Chúng tôi đã mô tả đặc điểm nhận biết chi, cung cấp một số thông tin về phân bố, sinh học, sinh thái, giá trị tài nguyên và xây dựng khoá định loại cho 13 loài thuộc chi Mật sạ (*Meliosma* Blume) có ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. **Beusekom C. F. van & Th. P. M. van de Water**, 1989. "Sabiaceae", *Flora Malesiana*, 10(4), pp. 690-715, Leiden, Netherlands.
2. **Gagnepain F. & J. E. Vidal**, 1960. "Sabiaceae", *Flore du Cambodge, du Laos et du Vietnam*, 1, pp. 18-56, Paris.
3. **Nguyễn Hữu Hiến**, 2003. "141. Sabiaceae Blume, 1851. – Họ Thanh phong", *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, 2, tr. 1029-1032, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 2003. "Sabiaceae", *Cây cỏ Việt Nam*, 2, tr. 337-340, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
5. **Lecomte H.** 1908. "Sabiaceae", *Flore Générale de l'Indo-Chine*, Tom. 2, pp. 1- 6, Paris.
6. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, tr. 171, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. **Wu Young-fen & Law Yuh-wu**, 1985. "Sabiaceae", *Flora Reipublicae Popularis Sinicae*, Tom. 47(1), pp. 96-132, Peikin.

ADDITIONAL DATA ON TAXONOMY OF THE GENUS *MELIOSMA* BLUME IN VIETNAM

Ha Minh Tam, Nguyen Ngoc Huyen, Ha Thi Phuong Lan

SUMMARY

Genus *Meliosma* Blume (Sabiaceae Blume) in Vietnam is represented by 13 species. They are widely scattered in the country; most of the species provide wood for making furniture, and some of them are endemic. In this article, we describe the characteristic of genus *Meliosma* in Vietnam along with brief information about their distribution, habitat, ecology and resources. Taxonomic key for 13 Vietnamese *Meliosma* species has also been presented.